



CUỘC TRƯNG BÀY CÁC HÌNH ẢNH THI DÂN VÀ NÔNG DÂN BẮC BỘ ĐẦU THẾ KỶ 20 - SỰ VIỆC VÀ HÀNH ĐỘNG, TRÍCH RA TỪ CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT CỦA NGƯỜI AN NAM, KHIẾN NGƯỜI TA NGAY LẬP TỨC NHẬN RA GIÁ TRỊ CỦA NÓ: ĐÂY LÀ NƠI LƯU TRỮ DI SẢN VĂN HÓA, VĂN MINH VIỆT CÓ MỘT KHÔNG HAI, KHI ẤY TÁC GIẢ CÔNG TRÌNH - HENRI OGER MỚI 24 TUỔI.





THỊ DÂN VÀ NÔNG DÂN

Bắc bộ đầu thế kỷ 20

Chàng trai trẻ đầy tham vọng

Năm 1907, chàng thanh niên Henri Oger theo chân quân đội viễn chinh đến Hà Nội. Và sau đó, ông trở thành một công chức nhà nước làm việc ở thuộc địa. Tổng cộng thời gian Henri Oger ở Việt Nam là 12 năm, 2 năm nghĩa vụ quân sự và 10 năm làm công tác dân sự.

Sự nghiệp quan chức hành chính của Oger ở Việt Nam khởi đầu khá tốt khi năng lực công tác của ông được đánh giá cao. Đến năm 1911, ông làm việc ở Vinh và đã có ý cho rằng vì mải mê nghiên cứu mà ông lơ là việc quản lý hành chính. Sự lơ là về sau bị phê bình nghiêm khắc, lại cộng thêm tội cao ngạo về sở học nên càng nặng. Đến năm 1914, ông bị coi

là một công chức vô dụng hoàn toàn.

Suốt đời, Henri Oger là một nhà nghiên cứu không được thừa nhận. Nhưng điều đó chẳng có ý nghĩa gì với chàng trẻ tuổi có niềm khát khao khoa học mãnh liệt, thông minh và cần mẫn. Rất nhiều đề án đã được Henri vạch ra, sau bỏ dở vì nhiều lý do. Nhưng Henri Oger đã đưa ra và thực hiện được một đề án quan trọng nhất, đó chính là công trình Kỹ thuật của người An Nam, trong đó nghiên cứu, thực địa về nền văn minh vật chất của người Việt Nam và các khía cạnh xã hội học của nó, một lĩnh vực còn rất ít được quan tâm.

Nhiệt tình, tham vọng và độc lập, Henri lại bị coi là thiếu khiêm tốn và bị ganh ghét, bị hoài nghi, coi thường, thậm chí bị coi là giả mạo và sao chép

gian lận. Bất chấp tất cả, Oger cứ một mình một đường. Ròng rã năm trời, Oger cùng một họa sỹ lang thang khắp các xưởng nghề thủ công, các xưởng kỹ thuật, cửa hàng buôn bán ở Hà Nội và các vùng lân cận, quan sát, ghi chép về mọi khía cạnh cuộc sống cá nhân và cộng đồng. Đến đâu, họa sỹ sẽ phác họa các hình ảnh, thao tác, dụng cụ, đồ nghề ở đó, theo những dàn ý Henri Oger lập sẵn. Những dàn ý này đã được đưa trước cho một số người bản xứ xem để tham khảo ý kiến. Từng hình ảnh được chú thích bằng chữ Hán và Nôm, sau mỗi chủ đề là phần nhận xét chung. Việc thuật lại bằng hình ảnh các hoạt động, thao tác, dụng cụ, theo Oger hiệu quả hơn rất nhiều việc mô tả bằng từ ngữ, và ông cũng biết rằng, trí nhớ hình ảnh ở con người vốn rất dai dẳng. Với cách làm kỹ lưỡng như vậy, Hơn 4,000



tài liệu đã được thu thập.

Xong tư liệu lại vấp phải khó khăn về xuất bản. Các nhà in và nhà sách Bắc kỳ thời đó không kiêm nhiệm việc xuất bản. Henri Oger phải tự lo tất cả, trước hết là tiền. Oger bắt đầu bằng việc đi quyên góp, trong quá trình ấy gặp không ít khó khăn. Cuối cùng lòng chân thành và nhiệt tình của chàng trai được đền đáp: có 20 người giúp 200 đồng bạc. Oger cảm động: Tình cảm và sự tin tưởng này có sức mạnh động viên lớn hơn vô vàn lời thóa mạ và hành vi đê tiện.

Henri Oger dùng số tiền ấy kiếm 30 thợ khắc. Ông nhận ra họ trung thực trong thương mại và có ý thức nghiêm túc trong công việc. Xưởng đặt tại chùa Vũ Thạch, hai tháng trời Oger và những người thợ vật lộn để

có 4.000 bản khắc. Làm xong thì đã vào mùa hè, các bản khắc không thể đem in vì sẽ bị cong vênh dưới trực lằn của máy in. Oger quyết định dùng kỹ thuật in thủ công của người Trung Quốc và An Nam, là đặt giấy lên trên bản khắc để in. Giấy dó do thợ giấy làng Bưởi làm đúng với kích thước bản khắc - cũng rất vất vả vì những người thợ chưa từng làm khổ giấy to như vậy. In với bản khắc, chậm nhưng độ nét tuyệt vời. Và thế là cuốn sách, từ nội dung cho đến xuất bản, mang đậm dấu ấn địa phương.

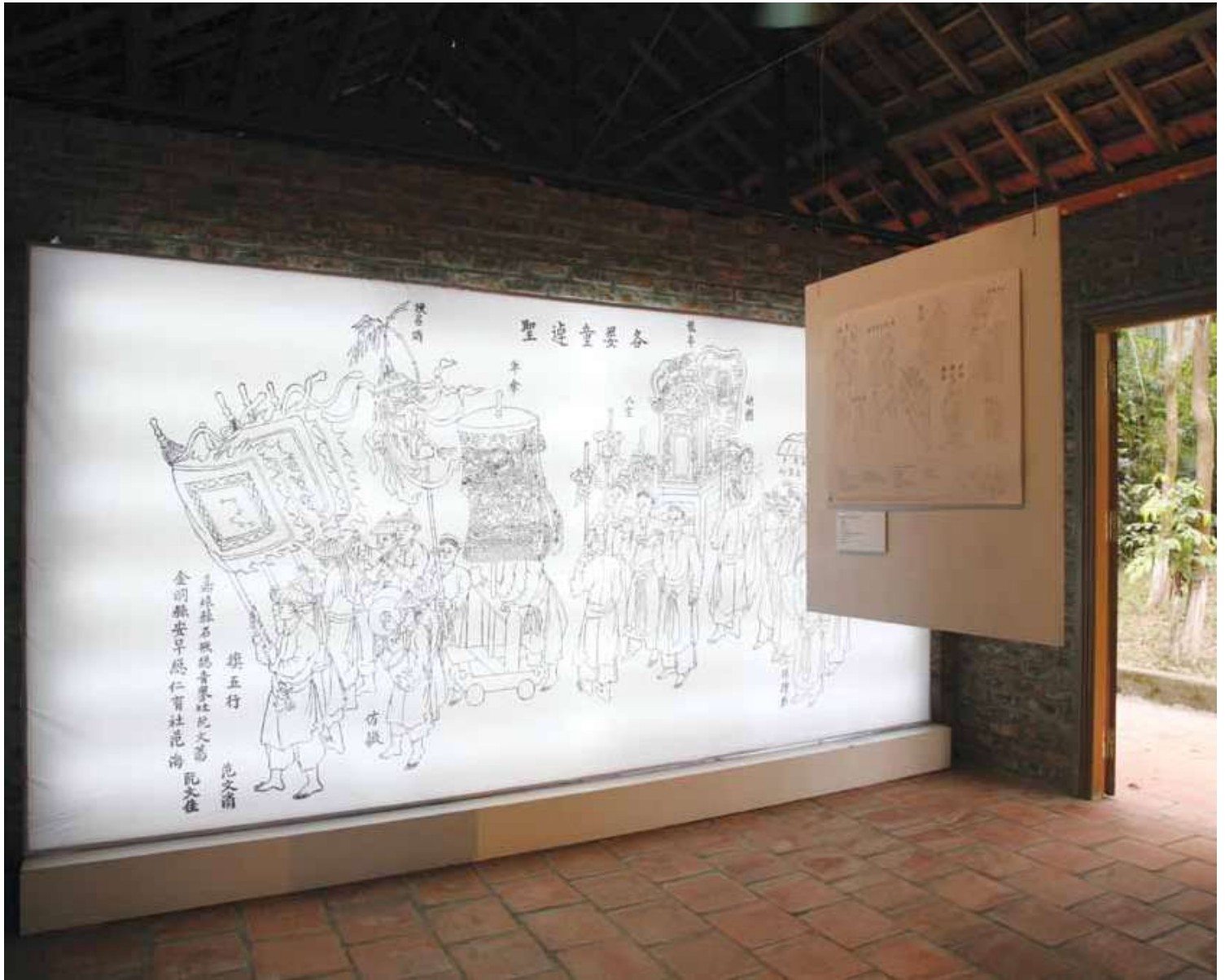
Sách chỉ được in 60 bản, có lẽ vào năm 1909, gồm 2 tập. Một tập là bản văn khổ 40 với 33 tranh khắc gồm các bài chuyên khảo; một tập là album 700 trang khổ đôi 65x42 với 4.000 hình vẽ và bản khắc gỗ, Nxb Geuthner ở 68 phố Mazarine và

Jouve et Cie, 15 phố Racine ấn hành.

Quá trình tự nhận thức

Công trình của Oger vừa là cuộc nghiên cứu vừa là quá trình tự nhận thức của tác giả. Ngoài đam mê khoa học, có thể Henri Oger ý thức được rằng, công cuộc khai hóa văn minh của nước Pháp sẽ làm rất nhiều những giá trị ở đây biến mất vĩnh viễn.

Kỹ thuật của người An Nam, công trình thực hiện bằng những nét vẽ mảnh mai, mộc mạc, nhưng chính xác, đã dựng lại một bức tranh toàn cảnh sống động cuộc sống, xã hội miền Bắc đầu thế kỷ 20. Người ta sẽ bắt gặp ở trong cuộc trưng bày rất nhiều hình ảnh, chi tiết thú vị, chú thích tỉ mỉ, kỹ lưỡng một cách đáng ngạc nhiên.



Trong công trình của mình, tác giả chia ra 4 nhóm kỹ thuật:

Những ngành sản xuất sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên (nghệ thuật, nông nghiệp, đánh bắt, săn bắn, vận tải, hái lượm);

Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên (giấy, kim loại quý, gốm);

Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chế tác nguyên liệu đã qua chế biến (thương mại, chế tác đá, hội họa và sơn mài);

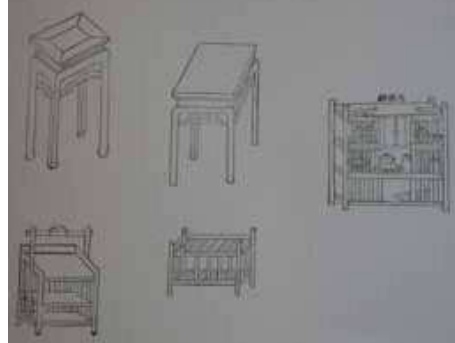
Đời sống riêng và đời sống cộng đồng ở xứ An Nam (nhạc cụ, phép thuật và bói toán, trò chơi và đồ chơi.)

Nghề nông với quy trình làm ra hạt gạo được mô tả sinh động từ lúc gieo mạ, cày bừa, làm cỏ, gặt, đập đến xay giã dần sàng. Hình ảnh về các hoạt động đánh bắt phong phú, như câu cá, úp cá., và trong việc này, ông đánh giá người dân bản xứ quan sát chính xác và thao tác duyên dáng một cách tuyệt diệu.

Thủ công nghiệp được thể hiện với tất cả các nghề mà Hà Nội và những vùng lân cận có: làm bún, làm đậu phụ, đồ gốm, đèn và các thiết bị thắp sáng, làm hương, làm đồ kim khí. Trong quá trình thu thập tư liệu, Henri Oger nhận thấy tre là một nguyên liệu cực kỳ phổ biến và được sử dụng tài tình. Ông thích thú và đánh giá cao chất lượng đồ vật được sản xuất với những thao tác chính xác của người thợ thủ công.

Một trong những nghề được miêu tả kỹ nhất là làm giấy, với hơn 38 bức vẽ liên quan đến các công đoạn làm giấy dó tại làng Yên Thái, Tây Hồ, Hà Nội, chưa kể đến những hình ảnh liên quan. Khảo sát mới đây của Philippe le Failler và Olivier Tessier cho biết quy trình làm giấy dó, với một hệ thống các thao tác kỹ thuật như ngâm dó, nấu dó, giặt dó, giã dó, seo giấy, ép giấy, sấy giấy, bảo dưỡng dụng cụ, như Oger miêu tả là hết sức chính xác.

Tuy nhiên Henri Oger cũng có những nhận xét khác, ví dụ đánh giá Việt Nam thuộc hàng ngũ các dân tộc bán văn minh, có tiến bộ nhưng còn chậm; hoặc cho là người thợ thủ công không biết vẽ, không có khiếu thẩm mỹ; hoặc người dân quan tâm giá rẻ hơn là chất lượng. Phần nào những





suy nghĩ này bị áp đặt bởi niềm tin vào mô hình văn minh tư sản phương Tây ưu việt, nhưng trong đó không phải không có những ý đáng suy ngẫm cho hôm nay, như thói quen ham rẻ bỏ qua chất lượng của người Việt chẳng hạn.

Qua các phác họa của Henri Oger, có thể khám phá ra những đặc điểm nổi bật trong nền thủ công nghiệp gia đình của người Việt, đó là sự phân công lao động mọi lứa tuổi từ người già cho tới trẻ em; các nghề và hoạt động kinh doanh bị phân tán thành rất nhiều nghề nhỏ; và vai trò của phụ nữ quan trọng hàng đầu trong rất nhiều hoạt động sản xuất. Henri Oger cho rằng những nét ấy gắn liền với đấu tranh sinh tồn bởi Bắc bộ quá đông dân. Cũng ở đây, người quan tâm có thể hiểu thêm về các chuẩn mực văn hóa, xã hội tác động lên kỹ thuật như tư thế cơ thể, những cấm kỵ trong sản xuất, tín ngưỡng, phân công lao động theo giới, về chuẩn mực thẩm mỹ được ưa chuộng đương thời.

Dưới góc độ của một người phương Tây, bị hấp dẫn đặc biệt bởi đời sống người Việt với những thói quen, nếp sống khác biệt mà Henri Oger đã

kể lại hào hứng bằng hình ảnh. Ông mô tả đời một con người từ lúc sinh ra đến lúc qua đời với các hình ảnh bất mạch, dỡ dẻ, dẻ rơi, nằm nôi, chăm sóc (con nấc mẹ dán ngọn trầu không), thầy đồ dạy học, trẻ học chữ Tây, sĩ tử, đến lúc kết hôn, về già và chết. Ông mô cách người Việt chuẩn bị bữa ăn với các thao tác như chà hạt cây, mổ cá, rán đậu, các món ăn, cùng với các hoạt động như cho trẻ ăn hay ăn cao lâu có ả đào chúc rượu. Các cách vấn khăn, các loại mũ nón giày dép từ quý tộc đến bình dân, các kiểu trang phục, cò quạt đều có mặt trong bộ sưu tập của ông. Tín ngưỡng, giải trí, pháp luật, lễu chông trường thi, cưới hỏi ma chay, nghệ sỹ và nhạc cụ được mô tả rất kỹ. Trong tín ngưỡng và kiêng kỵ người ta sẽ bắt gặp các hình ảnh gieo quẻ, lễ gọi hồn, lên đồng, thầy cúng, bùa, ông ba bị, cầu cây ra trái; các hành động mê tín như nhật thịt thổi phù để trừ tà. Trong giải trí là các hình ảnh thả chim, lò cò, quay, chong chóng, rồng rắn, leo cột mỡ, chông hoa chông nụ, đánh đu, thả diều, chơi cưa, đi cầu kiêu, liếm chảo, tam cúc, đập niêu, chơi đồng xu, hát trống quân, bắt trạch, chọc thủng phân. Pháp luật với các hình ảnh kẻ trộm chui rào, bỏ bả, trộm

tháo cánh cửa, gõng, tra khảo bằng roi mây, xét hỏi, treo cổ, phụ nữ ngoại tình bị thả bè trôi sông.

Bên cạnh những hình ảnh riêng lẻ được ghép vào cùng một chủ đề như nói trên, Henri Oger cũng miêu tả lại những cảnh hoạt động lớn như một đám rước phụ nữ, hay cảnh 36 phố phường Hà Nội náo nhiệt với đủ mọi lớp người, với những gánh hàng rong bán đủ loại mặt hàng mà cho đến nay vẫn là một hình ảnh quen thuộc với người Hà Nội. Và cảnh chợ, cực kỳ sống động và đậm chất Bắc bộ, trong chợ có hàng bán tiết canh, bán gạo, hàng tạp hóa, hàng rau, hàng cá, bán tương, bán ổi, hàng sắt, người nhà quê, cu li xe, xe gạo, đội thúng, người đi chợ.

Không còn nghi ngờ gì nữa, công trình của Henri Oger tái hiện đời sống phong phú vùng Bắc bộ là nơi lưu giữ di sản phi thường. Nó giúp nâng cao hiểu biết về nền văn minh vật chất của người Việt, bởi nhiều ngành, nghề, có nhiều phong tục, thói quen đã biết mất vĩnh viễn, hoặc rất hiếm gặp trong cuộc sống bây giờ, nên mới lại với chính cả người Việt.